

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị "về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo"; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 – 2030 và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành GDĐT giai đoạn 2026 - 30. Nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Xây dựng ngành GDĐT phát triển toàn diện trên nền tảng số; hình thành hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, hiện đại, an toàn, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn mới.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; bảo đảm 100% giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và quản lý trong môi trường số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; bảo đảm tối thiểu 50% tiết học được triển khai có ứng dụng công nghệ số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Thúc đẩy phát triển, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả học liệu số; từng bước hình thành kho học liệu số dùng chung, phục vụ giảng dạy, học tập và tự học.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục thông qua số hóa quy trình, dữ liệu và dịch vụ công; hướng tới xây dựng chính quyền số trong ngành giáo dục.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, đồng bộ từ cơ quan quản lý giáo dục đến các cơ sở giáo dục; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong giai đoạn 2026–2030.

Triển khai có lộ trình cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả; gắn với chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hằng năm.

Nội dung, giải pháp phải thiết thực, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

Gắn chuyển đổi số với nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp giáo dục; không chạy theo hình thức, bảo đảm thực chất.

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu ngành giáo dục theo quy định pháp luật.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong ngành GDĐT giai đoạn 2026-2030, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và chương trình chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại, lấy người học làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng và công nghệ số làm động lực thúc đẩy đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá; phát triển hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, an toàn, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục số cho người học; góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia và mục tiêu phát triển giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 71 trong giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

(Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

(Phụ lục II kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Tăng cường vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện của Sở GDĐT trong triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong toàn ngành; bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ Sở GDĐT đến các cơ sở giáo dục.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Sở GDĐT; phân công rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và

rõ kết quả đối với từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc và các cơ sở giáo dục; bảo đảm trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị.

Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong ngành GDĐT; thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục thông qua hệ thống số và kiểm tra trực tiếp; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân trong ngành GDĐT.

2. Về thể chế, chính sách

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án, văn bản chỉ đạo nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 trong ngành GDĐT.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ của ngành phù hợp với mô hình quản trị số, môi trường làm việc điện tử và yêu cầu số hóa toàn diện hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá.

Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng điện tử hóa, số hóa toàn trình; bảo đảm dữ liệu được tạo lập ngay từ đầu ở dạng số, hạn chế tối đa hồ sơ giấy.

Xây dựng cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu trong quản lý và giảng dạy; tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục chủ động thí điểm mô hình mới phù hợp thực tiễn.

Ban hành quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu trong ngành GDĐT, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, đồng thời tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch công tác hằng năm, kế hoạch trung hạn của ngành; bảo đảm bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phù hợp, hiệu quả.

3. Về phát triển hạ tầng số

Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin trong toàn ngành; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ Sở GDĐT đến các cơ sở giáo dục.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng LAN/Wifi, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục có kết nối internet băng thông rộng ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý, dạy học

và kiểm tra, đánh giá trên môi trường số.

Triển khai sử dụng nền tảng điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu phục vụ lưu trữ, khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành; bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu và tính sẵn sàng cao của hệ thống.

Chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, phòng học Tin học, thiết bị dạy học số theo quy định; ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách số.

Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai các hệ thống quản trị trường học, nền tảng dạy học trực tuyến, kho học liệu số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy.

Tăng cường giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ lớp hạ tầng; triển khai các hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin theo quy định

4. Về phát triển nhân lực số

Rà soát, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại Sở và các cơ sở giáo dục; bảo đảm có đầu mối chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phù hợp.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kỹ năng số, kỹ năng sử dụng hệ thống quản trị, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Nâng cao năng lực sư phạm số cho giáo viên; khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với công nghệ số, học liệu số và môi trường học tập trực tuyến.

Triển khai phong trào nâng cao kỹ năng số trong toàn ngành; phổ cập kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho học sinh, học viên.

Gắn kết quả bồi dưỡng, nâng cao năng lực số với đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng hằng năm.

5. Về phát triển dữ liệu số

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, văn bản, chứng chỉ và toàn bộ quy trình nghiệp vụ; bảo đảm dữ liệu được tạo lập ngay từ đầu ở dạng số.

Xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu ngành GDĐT theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin của tỉnh, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

Tăng cường khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ quản lý, dự báo, nâng cao chất lượng giáo dục; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý, tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định.

Ban hành và thực hiện quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ

liệu; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

6. Về bảo đảm an ninh mạng

Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin của Sở và các cơ sở giáo dục; thực hiện đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn theo quy định.

Tăng cường giám sát, cảnh báo sớm và phòng, chống nguy cơ mất an toàn thông tin; thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ, bảo đảm khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố.

Nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo mật thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; tăng cường tuyên truyền về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong công tác bảo đảm an ninh mạng, xử lý kịp thời các sự cố, không để xảy ra mất an toàn thông tin nghiêm trọng trong ngành.

7. Về phát triển Chính quyền số

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số, chính quyền số do trung ương và tỉnh triển khai; bảo đảm kết nối, liên thông thông suốt từ Sở đến các cơ sở giáo dục.

Thực hiện xử lý 100% hồ sơ công việc trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước); tăng cường sử dụng chữ ký số trong trao đổi, giải quyết công việc.

Chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng toàn trình; bảo đảm tái sử dụng dữ liệu, giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết.

Ứng dụng dữ liệu số, công cụ phân tích và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Thực hiện đo lường, đánh giá mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

8. Về phát triển Kinh tế số và Xã hội số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, tuyển sinh và các hoạt động chuyên môn; nâng cao hiệu quả điều hành dựa trên dữ liệu số.

Triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của ngành; phát triển kho học liệu số, giáo trình điện tử, tài nguyên học tập mở phục vụ giáo viên và học sinh.

Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học gắn với môi trường số; thúc đẩy hình thành kỹ năng số, tư duy số cho học sinh, học viên, góp phần phát triển nguồn nhân lực số của địa phương.

Tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục; nâng cao mức độ tham gia của người dân, tổ chức vào môi trường số.

Thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, bảo đảm mọi học sinh, giáo viên được tiếp cận bình đẳng với hạ tầng, nền tảng và dịch vụ giáo dục số.

9. Về nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin

Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong ngành.

Tăng cường truyền thông trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của các đơn vị; duy trì chuyên mục chuyển đổi số; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip về hoạt động chuyển đổi số trong ngành.

Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng số và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin; lồng ghép nội dung giáo dục an toàn số, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện chuyển đổi số.

Tăng cường phổ biến kiến thức, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin trên môi trường mạng; nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ hệ thống, dữ liệu và thông tin cá nhân.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở GDĐT theo chức năng nhiệm vụ tham mưu Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trực thuộc và các cơ sở giáo dục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.
- Xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng phòng, đơn vị.
- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình triển khai; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.
- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

2. UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ sở giáo dục

- Căn cứ Kế hoạch của Sở GDĐT, chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể tại đơn vị; phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận, cá nhân; tổ chức triển

khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng, nhân lực, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo lộ trình.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của số liệu, thông tin báo cáo.

Đề nghị các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Khoa học và Công nghệ (phối hợp);
- UBND xã/phường/đặc khu (phối hợp);
- Giám đốc Sở GDĐT (báo cáo);
- Các PGĐ Sở GDĐT (để biết);
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCLGDCNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Thành Nhân

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
A	Giai đoạn 2026-2027			
I	Phát triển chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động trong ngành giáo dục và đào tạo			
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
3	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	95%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
I.2	Quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành giáo dục phục vụ Chính phủ số Trung ương đến địa phương được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.			nghe; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
3	Tỷ lệ chế độ báo cáo được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và đào tạo được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
II	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số trong ngành giáo dục và đào tạo			
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và đào tạo có chữ ký số	50%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và đào tạo, học sinh giáo dục phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
III	Hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá trên môi trường số trong ngành giáo dục và đào tạo			
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục hoàn thiện hệ quản trị số trường học; bảo đảm 100% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên được quản lý trên môi trường số; dữ liệu toàn ngành được kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số, bảo đảm 100% người học và nhà giáo tham gia hiệu quả hoạt động giáo dục trên môi trường số.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
3	Tỷ lệ văn bằng, chứng chỉ thuộc thẩm quyền quản	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	lý được số hóa và quản lý tập trung; hồ sơ, tài liệu lưu trữ có giá trị được chỉnh lý, số hóa theo quy định.			nghe; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai kho học liệu số dùng chung, bảo đảm đáp ứng tài liệu học tập cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực số đáp ứng yêu cầu dạy học và quản trị trong môi trường số	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
6	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cấp và sử dụng chữ ký số xử lý văn bản trao đổi trong ngành trên môi trường điện tử.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục được trang bị phòng học Tin học đạt chuẩn, hệ thống mạng LAN/WiFi, internet băng thông rộng ổn định phục vụ dạy học và quản lý.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu.
8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có hệ thống thông tin được đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định; dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu.
B	Giai đoạn 2028-2030			
I	Phát triển chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động trong ngành giáo dục và đào tạo			
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	99%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
6	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
3	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
				UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
4	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
II	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số trong ngành giáo dục và đào tạo			
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và đào tạo có chữ ký số	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và đào tạo, học sinh giáo dục phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
III	Hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá của ngành giáo dục và đào tạo trên môi trường số			
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục hoàn thiện hệ quản trị số trường học; bảo đảm 100% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên được quản lý trên môi trường số; dữ liệu toàn ngành được kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số, bảo đảm 100% người học và nhà giáo tham gia hiệu quả hoạt động giáo dục trên môi trường số.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
3	Tỷ lệ văn bản, chứng chỉ thuộc thẩm quyền quản lý được số hóa và quản lý tập trung; hồ sơ, tài liệu lưu trữ có giá trị được chỉnh lý, số hóa theo quy định.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai kho học liệu số dùng chung, bảo đảm đáp ứng tài liệu học tập cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực số đáp ứng yêu cầu dạy học và quản trị trong môi trường số	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
6	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cấp và sử dụng chữ ký số xử lý văn bản trao đổi trong ngành trên môi trường điện tử.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục.
7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục được trang bị thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, hệ thống mạng LAN/Wifi, internet băng thông rộng ổn định phục vụ dạy học và quản lý.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu.
8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có hệ thống thông tin được đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định; dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu.

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ
TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành				
1	Tăng cường công tác chỉ đạo về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Các văn bản chỉ đạo điều hành của Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026 - 2030
2	Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số tại đơn vị; Đảm bảo người đứng đầu các đơn vị là Trưởng ban chỉ đạo về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của đơn vị và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác chuyển đổi số tại đơn vị.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo	Các văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất của các đơn vị	Năm 2026 - 2030
3	Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Kết quả đánh giá	Năm 2026 - 2030
II	Thể chế, chính sách số				
1	Xây dựng và ban hành các chính sách, kế	Sở Giáo dục và	Sở Khoa học và	Quyết định; Kế	Năm 2026 -

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo	Đào tạo	Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	hoạch; văn bản triển khai	2030
III	Phát triển hạ tầng số				
1	Trang bị thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, hệ thống mạng LAN/Wifi, internet băng thông rộng ổn định phục vụ dạy học và quản lý.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.	Năm 2026 - 2030
2	Thuê dịch vụ CNTT; xây dựng; nâng cấp; duy trì các nền tảng số, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.	Năm 2026 - 2030
IV	Phát triển nhân lực số				
1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.		các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.		
V	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Dữ liệu lĩnh giáo dục được tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030
2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VI	Bảo đảm an ninh mạng				
1	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê đối với hệ thống thông tin các cơ sở giáo dục và đào tạo và các cơ quan quản lý giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Báo cáo triển khai	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	dục trên địa bàn tỉnh.				
VII	Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành trung ương triển khai đến đơn vị.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ và bảo đảm kế hoạch triển khai của các bộ, ngành trung ương	Năm 2026-2030
2	Rà soát, tính hiệu quả triển khai để xây dựng kế hoạch nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo để nâng cao hiệu quả hoạt động; Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách đảm bảo tính “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh dựa trên dữ liệu.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
VIII	Kinh tế số và xã hội số				
1	Nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý, giảng dạy, tuyển sinh dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; số hóa tài liệu, giáo trình; triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của toàn ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào	Báo cáo kết quả chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
			tạo.		
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin				
1	Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng của tỉnh tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/04/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi...	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số được truyền thông rộng rãi trên toàn tỉnh	Năm 2026-2030
3	Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
3	Cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên tất cả trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; duy trì hoạt động	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã,	Báo cáo kết quả truyền thông CDS	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	chuyên mục Chuyển đổi số.		phường, đặc khu; các cơ sở giáo dục và đào tạo.		

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Phát triển Chính quyền số						
I.1	Phát triển Hạ tầng số						
1	Mua sắm máy tính bổ sung cho phòng Tin học các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện CT GDPT 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
2	Xây dựng mô hình: “Ứng dụng AI” phục vụ công tác giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
I.2	Phát triển, hoàn thiện các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số						
1	Thuê dịch vụ CNTT; xây dựng; nâng cấp; duy trì các nền tảng số, cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
2	Số hóa tài liệu; tạo lập cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
3	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
I.3	Bảo đảm an ninh mạng						
1	Triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
II	Phát triển Kinh tế số						

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Phân kỳ thời gian triển khai				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bằng, chứng chỉ: Chính lý, số hóa văn bằng chứng chỉ THCS, THPT thuộc quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng, nâng cấp hệ thống quản lý văn bằng, chứng chỉ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x			
III	Phát triển Xã hội số						
1	Triển khai chương trình “bình dân học vụ số”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
2	Triển khai Học bạ số các cấp; Tuyển sinh các lớp đầu cấp; Chatbot hỗ trợ công dân trong TTHC cấp phép hoạt động cơ sở giáo dục thường xuyên khác”	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x
3	Trang bị thiết bị cho thư viện số cơ sở GDMN, GDTH (phần mềm, thiết bị cơ bản cho các trường MNTH)	Sở Giáo dục và Đào tạo	x	x	x	x	x

Phụ lục IV
DANH MỤC ĐĂNG KÝ KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn sự nghiệp ĐP	Nguồn vốn khác (Doanh nghiệp, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
			(tỷ đồng)	NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
1	Học bạ số	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDTrH)	9,5		x	x		1,5	2	2	2	2	
2	Tuyển sinh các lớp đầu cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDTrH)	8,4		x	x		x	x	x	x	x	
3	Mua sắm máy tính bổ sung cho phòng Tin học các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện CT GDPT 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDMNTH)	21		21			x	x	x	x	x	Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học;
4	Trang bị thiết bị cho thư viện số cơ sở GDMN, GDTH (phần mềm, thiết bị cơ bản cho các trường MNTH)	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDMNTH)	20		20			x	x	x	x	x	Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học;
5	Thực hiện đại trà Học bạ số cấp tiểu học (Bao gồm Tập huấn, Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với phần mềm học bạ số cho các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh).	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDMNTH)	9,78		9,78			x	x	x	x	x	Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học;
6	Xây dựng nền tảng số tích hợp dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, cung cấp dịch vụ công và kết nối thông tin giữa nhà quản lý – nhà trường – doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDNN-QLĐT)	1			1		x	x	x	x	x	
7	Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, phương pháp đào tạo mới cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDNN-QLĐT)	0,3			0,3		x	x	x	x	x	
8	Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên	Sở Giáo dục	0,3			0,3		x	x	x	x	x	

	về phát triển các ứng dụng số, học liệu số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	và Đào tạo (GDNN-QLĐT)											
9	Xây dựng phần mềm tuyển sinh quản lý đào tạo cho hệ cử tuyển	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDNN-QLĐT)	1			1			x	x	x		
10	Xây dựng phần mềm quản lý về hợp tác quốc tế	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDNN-QLĐT)	1			1			x	x	x	x	
11	Xây dựng mô hình: “Ứng dụng AI trong công tác tư vấn tâm lý học sinh trong các trường phổ thông tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026–2030”	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDTX-CTHSSV)	3			3			x	x	x	x	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 820/KH-SKHCN ngày 13/8/2025. - “Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ số vào giáo dục để nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội.” tại Mục I.7, Định hướng kế hoạch KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2026, Báo cáo số 47 /BC-UBND Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 8 năm 2025.
12	Xây dựng mô hình: “Ứng dụng AI trong công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh” giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDTX-CTHSSV)	1,3			1,3			x	x	x	x	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 820/KH-SKHCN ngày 13/8/2025. - “Chú trọng triển khai các đề tài, dự án ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục và xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.” Mục I.7, Định hướng kế hoạch KH, CN, ĐMST&CĐS năm 2026 tại Báo cáo số 47 /BC-UBND Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 8 năm 2025.
13	Dự án “Ứng dụng Chatbot hỗ trợ công dân trong TTHC cấp phép hoạt động cơ sở giáo dục thường xuyên khác”	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDTX-CTHSSV)	1,3			1,3			x	x	x	x	- “Ưu tiên thực hiện toàn trình trên môi trường điện tử các hoạt động cung cấp dịch vụ công” tại Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 (Điều 6.1). - “Tăng cường ứng dụng trợ lý ảo sử dụng trí tuệ nhân tạo” tại Công điện số 111/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 (Mục IV.5.c). - Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến việc thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm GDTX khác theo lộ trình theo Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 26/8/2025 (Mục III, TTHC 1.a; Lộ trình 2025 – 2026).
14	Bình dân học vụ số: Tổ chức Chiến dịch Tuyên truyền Nâng cao Nhận thức về Chuyển đổi số và Kỹ năng số cho Cộng đồng;	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDTX-CTHSSV)	1			1			x	x	x	x	“Đẩy mạnh thực hiện tiến trình chuyển đổi số trên trụ cột xã hội số.” tại Báo cáo Kế hoạch và dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CĐS tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 (Mục I.2, Báo cáo số 47 /BC-UBND Quảng

	Triển khai Chương trình “Học từ Làm thực tế” kết hợp Phổ cập Kỹ năng số Cộng đồng												Ngãi, ngày 31/8/2025). “Nâng cao hiệu quả hoạt động của các “Tổ Công nghệ số cộng đồng” theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, thực hiện “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ người dân tại cơ sở” theo Công điện số 111/CD-TTg ngày 17/7/2025 (Mục IV.5.c). - KH 587/KH-SGDĐT ngày 30/06/2025 Thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2025. - III.2, KH 953/KH-BGDDĐT ngày 10/7/2025
15	Số hóa dữ liệu văn bản, chứng chỉ đã cấp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi	Sở Giáo dục và Đào tạo	8			8		2	1,5	1,5	1,5	1,5	Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/07/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Kế hoạch số 2355/KH-BGDDĐT ngày 22/12/2025 của Bộ GDĐT về số hóa dữ liệu văn bản, chứng chỉ đã cấp. (Sau khi Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch số 2355/KH- BGDDĐT ngày 22/12/2025, Sở GDĐT đề nghị điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ và phân khai kinh phí thực hiện công tác chuyển đổi số đã đề xuất tại nội dung thứ 5 của công văn số 2923/SGDĐT-QLCLGDCNTT ngày 23/12/2025 cho phù hợp với yêu cầu của Bộ GDĐT).
16	Bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc		1			1		x	x	x	x	x	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
17	Nâng cấp hạ tầng mạng Lan tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo để đảm bảo yêu cầu về thực hiện công vụ		1			1		200	200	200	200	200	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
18	Chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ; kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Sở Giáo dục và Đào tạo	10			10		2	2	2	2	2	Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
19	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử liên thông từ trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, Sở GDĐT phục vụ hiệu quả việc cung cấp các thông tin của ngành, cung cấp các dịch vụ trực tuyến dịch vụ công trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	2			2				2			Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Dự án ban đầu phục vụ 583 cơ sở giáo dục với tổng mức đầu tư khoảng 1.000 triệu đồng. Tuy nhiên, do sắp xếp lại mạng lưới giáo dục, quy mô đã tăng lên 936 cơ sở, làm thay đổi phạm vi và vượt tổng mức đầu tư dự kiến, không còn phù hợp với Kế hoạch đã phê duyệt. Vì vậy, dự án cần thực hiện lại thủ tục chủ trương đầu tư theo quy mô mới hoặc lùi thời điểm triển khai cho đến khi có đề án, kế hoạch cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt

20	Triển khai hệ thống quản lý trường học; Xác thực thông tin giáo viên và học sinh; Cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VneID (SSO); Quản lý điểm, lịch học...	Sở Giáo dục và Đào tạo	4,5		4,5					1,5	1,5	1,5	Theo Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 23/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, Mô hình 6 được giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì triển khai trong giai đoạn 2023-2024. Đến nay đã bước sang năm 2026, vượt quá khung thời gian thực hiện được xác định trong kế hoạch ban đầu. Trong bối cảnh điều kiện triển khai, quy mô đối tượng, yêu cầu kỹ thuật và nguồn lực tài chính đã có nhiều thay đổi, việc tiếp tục triển khai mô hình theo nội dung và tiến độ của kế hoạch giai đoạn 2023-2024 là không còn phù hợp, thiếu cơ sở cập nhật về mục tiêu, nguồn lực và hiệu quả đầu tư. Sở GDĐT tham mưu triển khai thực hiện sau khi có Kế hoạch của cấp có thẩm quyền cho giai đoạn này
21	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo	1,696		0,546	1,15							
21.1	Tập huấn sử dụng AI cho đội ngũ CBQL, giáo viên TT GDTX và TTHCTĐ	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDTX-CTHSSV)	0,3		0,3			x	x	x	x	x	- Công văn số 3127/ BT-TT-CĐSQG ngày 31/7/2024 về Tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ CĐS năm 2024): Mục 4 yêu cầu Bộ, ngành, địa phương quan tâm, chú trọng nâng cao trình độ, năng lực của lãnh đạo quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số và đôn đốc, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số - Báo cáo Kế hoạch và dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CĐS tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 (Số 47/BC-UBND): Mục 1.9 yêu cầu Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý KH, CN, ĐMST&CĐS để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước. - “Tổ chức các đợt tập huấn về kỹ năng số, vận hành các hệ thống thông tin và nghiệp vụ mới cho cán bộ cấp xã.” Theo Công điện số 111/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 (Mục IV.1). - Quy định hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên môi trường điện tử. Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 26/8/2025 (Mục B.3.a).
21.2	Tập huấn công tác chuyển đổi số (Tập huấn nâng cao năng lực xây dựng học liệu số và quản lý, dạy học an toàn trong môi trường số cho đội ngũ giáo viên tiểu học cốt cán; hướng dẫn khai thác và sử dụng công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo (GDMNTH)	0,546		0,546			x	x				- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

	AI an toàn, hiệu quả cho cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán cấp tiểu học; nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học; nâng cao năng lực xây dựng học liệu số và quản lý, dạy học an toàn trong môi trường số cho đội ngũ giáo viên mầm non cốt cán.												- Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.
21.3	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo (QLCLGD-CNTT)	0,85			0,85		x	x	x	x	x	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. - Quyết định số 2962/QĐ-BGDĐT ngày 24/10/2025 của Bộ Giáo dục và và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.